

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-12-2021
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đỉnh
2. Bà Trịnh Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021, Về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXX-ST ngày 09/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-HPT ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1991, địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Phú L, sinh năm: 1985, địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 26 tháng 5 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Phú L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường cãi vã, vợ chồng hiện tại tự sống ly

thân. Nay chị N xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Phú L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Lê Tự L1, sinh ngày: 30/6/2010 và Nguyễn Thị Thùy N1, sinh ngày: 01/01/2012. Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Phú L trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của chị N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị N có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Phú L vắng mặt đến lần thứ 2 không lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho chị N được ly hôn với anh L, giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” do nguyên đơn chị Lê Thị N khởi kiện đối với bị đơn anh Nguyễn Phú L có nơi cư trú tại: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Phú L đã được triệu tập hợp lệ lần 2 mà vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Phú L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường cãi vã, vợ chồng tự sống ly thân mỗi người tự sống riêng, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau nên chị N xin ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn được chị N xác định do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh L không có ý kiến với yêu cầu ly hôn của chị N mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án cũng đã nhiều lần mở phiên họp và phiên hòa giải cho các bên có cơ hội về đoàn tụ nhưng anh L không đến Tòa làm việc, thể hiện thái độ bỏ mặc không quan tâm. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị N, anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Phú L.

[3.2].Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung Nguyễn Lê Tự L1, sinh ngày: 30/6/2010 và Nguyễn Thị Thùy N1, sinh ngày: 01/01/2012. Anh L biết yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của chị N nhưng không có ý kiến gì. Chị N làm công nhân công ty TNHH Sangying, thu nhập bình quân 8.000.000/tháng, đủ điều kiện nuôi con chung. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, hai con chung Nguyễn Lê Tự L1, sinh ngày: 30/6/2010 và Nguyễn Thị Thùy N1, sinh ngày: 01/01/2012 đã được Tòa án lấy ý kiến về nguyện vọng các con muốn sống chung với ai khi cha mẹ ly hôn thì các cháu đều mong muốn được sống cùng mẹ là chị Lê Thị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị N không yêu cầu nên không đặt ra để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[3.3].Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung không nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4].Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, 271 và Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N.

Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Phú L.

Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Lê Tự L1, sinh ngày: 30/6/2010 và Nguyễn Thị Thùy N1, sinh ngày: 01/01/2012 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003509 ngày 19/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà